

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 08/2022/DSST

Ngày 24 - 5 - 2022

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức H

2. Ông Nguyễn Thanh M

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng P – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2021/TB – TLVA, ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐST - DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST - DS ngày 06/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T
(SACOMBANK)

- Địa chỉ trụ sở chính: 266 – 268 N K K N, phường V T S, Quận, thành phố H C M

- Đại diện cho: Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP S G T T bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám Đốc (Vắng mặt)

Người đại diện cho ngân hàng tham gia vụ kiện: Ông Dương Ngọc H – Chức vụ: GD CN Bình Phước.

Theo Quyết định ủy quyền số 3977/2020/GUQ - PL ngày ngày 28/12/2020 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP S G T T. (Vắng mặt)

Người nhận ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T - chi nhánh Bình Phước; Theo giấy ủy quyền số 441/GUQ - CNBP ngày 22/11/2021

Bị đơn: Bà Nguyễn Trần Anh T, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 5, khu phố X C II, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Long cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo của bà Phạm Thị Thu H là người nhận ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày: Ngày 14/4/2016 bà Nguyễn Trần Anh T ký với Ngân hàng TMCP S G T T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Số LD 1801200807 ngày 12/01/2018, vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T 100.000.000 đồng, thời gian vay 36 tháng. Bà Nguyễn Trần Anh T đã trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T 92.310.000 đồng tiền nợ gốc và lãi đã trả đến ngày 30/7/2020 là 22.500.000 đồng. Bà Nguyễn Trần Anh T còn thiếu nợ của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T, số tiền nợ gốc 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 12/4/2022 là 7.377.872 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn 5.994.205 đồng và tiền lãi quá hạn 1.383.667 đồng. Nay Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T số tiền nợ gốc là 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và 7.377.872 đồng tiền lãi tính đến ngày 12/4/2022 (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.994.205 đồng và tiền lãi quá hạn 1.383.667 đồng). Buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T lãi phát sinh từ ngày 13/4/2022 cho đến khi trả hết số nợ, theo quy định tại Hợp đồng sử dụng Số LD 1801200807 ngày 12/01/2018.

Bị đơn bà Nguyễn Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc theo địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng LD 1801200807 ngày 12/01/2018, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng niêm yết công khai các bản bản tố tụng cho bà Nguyễn Trần Anh T nhưng bà Nguyễn Trần Anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S G T T buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T số tiền nợ gốc là 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/4/2022 là 7.377.872 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.994.205 đồng và tiền lãi quá hạn 1.383.667 đồng). Buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T tiền lãi

phát sinh từ ngày 13/4/2022 cho đến khi trả hết số nợ, theo quy định tại Hợp đồng sử dụng Số LD 1801200807 ngày 12/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện cùng tài liệu và bản khai tại Tòa án của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và 7.377.872 đồng tiền lãi tính đến ngày 12/4/2022. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Trần Anh T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ và nơi cư trú tại tổ 5, khu phố X C II, phường H C, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Nguyễn Trần Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc theo địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng LD 1801200807 ngày 12/01/2018, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng xác minh, niêm yết công khai các bản bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Trần Anh T nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Trần Anh T.

[2] Về nội dung vụ án: , với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T

Ngày 14/4/2016 bà Nguyễn Trần Anh T ký Hợp đồng sử dụng số LD 1801200807 ngày 12/01/2018 vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T 100.000.000 đồng, thời gian vay 36 tháng. Bà Nguyễn Trần Anh T đã trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T 92.310.000 đồng tiền nợ gốc và lãi đã trả đến ngày 30/7/2020 là 22.500.000 đồng. Bà Nguyễn Trần Anh T còn thiếu nợ của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T, số tiền nợ gốc 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 12/4/2022 là 7.377.872 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn 5.994.205 đồng và tiền lãi quá hạn 1.383.667 đồng. Nay Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T số tiền nợ gốc là 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và 7.377.872 đồng tiền lãi (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.994.205 đồng và tiền lãi quá hạn 1.383.667 đồng) tính đến ngày 12/4/2022. Buộc bà Nguyễn Trần Anh T có

nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T lãi phát sinh từ ngày 13/4/2022 cho đến khi trả hết số nợ, theo quy định tại Hợp đồng sử dụng số LD 1801200807 ngày 12/01/2018.

Bị đơn bà Nguyễn Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc theo địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng số LD 1801200807 ngày 12/01/2018, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tổng đạt, xác minh, niêm yết công khai các bản tố tụng cho bà Nguyễn Trần Anh T nhưng bà Thư vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét yêu cầu của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi phát sinh tính đến ngày 12/4/2022 là 7.377.872 đồng. Việc đến hạn trả nợ mà bà T không trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm theo quy định tại Điều 14 của hợp đồng tín dụng số LD 1801200807 ngày 12/01/2018 mà các bên đã ký, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T yêu cầu bà Nguyễn Trần Anh T trả tiền nợ gốc và các khoản lãi phát sinh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T số tiền nợ gốc là 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và 7.377.872 đồng tiền lãi tính đến ngày 12/4/2022 (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.994.205 đồng và tiền lãi quá hạn 1.383.667 đồng). Bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T lãi phát sinh theo quy định trong hợp đồng sử dụng số LD 1801200807 ngày 12/01/2018 tính từ ngày 13/4/2022 cho đến khi trả hết số nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; thì do yêu cầu của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Trần Anh T phải nộp 735.393đ (Bảy trăm năm mươi ban nghìn ba trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T.

1. Buộc buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T số tiền nợ gốc là 7.690.000đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và 7.377.872đ (Bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn tám

trăm bảy mươi hai đồng) tiền lãi (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.994.205 đồng và tiền lãi quá hạn 1.383.667 đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Trần Anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng sử dụng Số LD 1801200807 ngày 12/01/2018 tính từ ngày 13/4/2022 cho đến khi trả hết số nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà Nguyễn Trần Anh T phải nộp 735.393đ (Bảy trăm năm mươi ba nghìn ba trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T T 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002548 ngày 13/12/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ này bản án được tổng đạt hợp lệ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- CCTHAND thị xã Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa -

Lê Đình Tùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- CCTHAND thị xã Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa -

Lê Đình Tùng

